

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 91/2024/HS-ST
Ngày 24- 9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Loan;

2. Bà Phạm Thị Hương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Minh Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Ông Chu Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 77/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2024/QĐXXST- HS ngày 04 tháng 9 năm 2024 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 11/TB-TA ngày 16 tháng 9 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Đức T**, sinh ngày 17/9/1988 tại: huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn A, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1964 và bà Kiều Thị C, sinh năm 1963; vợ: Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1992; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: không.

2. **Phạm Văn D**, sinh ngày 02/12/1992 tại: huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn D1, sinh năm 1968 và bà Phạm Thị B, sinh năm 1974;

vợ: Nguyễn Thị X, sinh năm 1995; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ 2018.

Tiền án, tiền sự: không.

3. **Đào Văn D2**, sinh ngày 04/10/1983 tại: huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: tổ F, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đào Văn Đ, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1960; vợ: Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1986; con: Có 01 con, sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: không.

4. **Nguyễn Thế A**, sinh ngày 08/02/1995 tại: huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thế Q, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976; vợ: Lưu Thị K, sinh năm 1995; con: Có 01 con, sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhập ngũ tháng 9 năm 2013, xuất ngũ tháng 8 năm 2015.

5. **Vũ Đình Ú**, sinh ngày 22/5/1993 tại: huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Văn B1, sinh năm 1966 và bà Lê Thị H2, sinh năm 1975; vợ: Nguyễn Thị N1, sinh năm 1993; con: Có 03 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhập ngũ tháng 3 năm 2010, xuất ngũ tháng 8 năm 2011.

6. **Trần Ngọc T3**, sinh ngày 09/11/1972 tại: huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Ngọc V, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1952; vợ: Lê Thị V1, sinh năm 1973; con: Có 04 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhập ngũ tháng 9 năm 1992, xuất ngũ tháng 9 năm 1994.

7. **Đào Quang H3**, sinh ngày 03/8/1988; nơi sinh: huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đào Thanh G, sinh năm 1969 và bà Phạm Thị H4, sinh năm 1969; vợ: Đỗ Thị N2, sinh năm 1990; con: Có 02 con, sinh năm 2011 và 2015.

Tiền án, tiền sự: không.

8. Vũ Lương V2, sinh ngày 05/7/1981; nơi sinh: huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Lương T5, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1954; vợ: Hoàng Thị X1, sinh năm 1985, bị cáo trong vụ án; con: Có 02 con, sinh năm 2007 và 2009;

Tiền án, tiền sự: không.

9. Hoàng Thị X1, sinh ngày 25/02/1985 tại: huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Đình S, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị T7, sinh năm 1961; chồng: Vũ Lương V2, sinh năm 1981, bị cáo trong vụ án; con: Có 02 con, sinh năm 2007 và 2009.

Tiền án, tiền sự: không.

Các bị cáo Nguyễn Đức T, Phạm Văn D, Đào Văn D2, Nguyễn Thế A, Vũ Đình Ú, Trần Ngọc T3 và Đào Quang H3 bị tạm giữ từ ngày 11/6/2024 đến ngày 17/6/2024, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo Vũ Lương V2 bị giữ từ ngày 19/7/2024 đến ngày 22/7/2023, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo Hoàng Thị X1 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/7/2024.

Các bị cáo triệu tập có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 15 giờ 15 phút ngày 11/6/2024, Công an huyện Q, tỉnh Thái Bình phát hiện bắt quả tang tại phòng ngủ tầng 2 nhà của vợ chồng Vũ Lương V2 và Hoàng Thị X1, ở thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, Phạm Văn D; Nguyễn Đức T; Đào Văn D2; Nguyễn Thế A; Vũ Đình Ú và Trần Ngọc T3; Đào Quang H3, có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền, hình thức “liêng”. Vũ Lương V2 và Hoàng Thị X1 không ở nhà. Thu giữ: 03 bộ bài tú lơ khơ 52 lá, số tiền 5.840.000 đồng; quản lý trên người 5.500.000 đồng, cụ thể: Đào Văn D2 01 ví giả da màu đen bên trong có 2.000.000 đồng, Nguyễn Thế A 1.800.000 đồng, Phạm Văn D 1.700.000 đồng; Trần Ngọc T3 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A23, sim số thuê bao 0981032759, Nguyễn Đức T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 11, sim số thuê bao 0942421270.

Quá trình điều tra các bị cáo khai: Do có quen biết cùng hội lái xe ô tô dịch vụ nên trưa ngày 11/6/2024, Phạm Văn D, Đào Văn D2, Nguyễn Thế A, Vũ Đình Ú, Trần Ngọc T3, Nguyễn Đức T, Đào Quang H3 và Vũ Lương V2 cùng đến quán Thắng D3, ở xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, liên hoan. Khoảng 12 giờ 30 phút, Phạm Văn D điều khiển xe ô tô của H3, chở H3 và Ú đi trước vào quán

cà phê ở cầu S, xã Q, huyện Q. D và Ú gọi nước uống, H3 ngủ ở xe. Đào Văn D2 điều khiển xe ô tô cá nhân chở T3 vào quán bida ở cầu S. T và V2 còn ăn nên Nguyễn Thế A ngồi ở cửa quán Thắng D3 chờ. Đang ăn, T nảy sinh ý định bạc nên hỏi “*Anh ơi, tỳ có gì không?*”. Vịnh đáp “*Cứ về cầu S đi*”. Ăn xong, V2 đi xe ô tô cá nhân tới quán cà phê ở cầu S uống nước cùng Ú và Phạm Văn D. Thào cùng Thế A đi rửa xe ô tô rồi tới cầu T, xã Q, huyện Q, chơi. Đến 13 giờ 14 phút, T sử dụng điện thoại di động, nhãn hiệu Redmi Note 11, sim số thuê bao 0942421270, tài khoản zalo “Bảo Tâm” gọi tới tài khoản zalo “Tranngocthuyet” của T3 dặn ở quán B3 đến đón chở về. Sau 16 phút, V2 sử dụng điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy A10S, sim số thuê bao 0868883962, tài khoản zalo “Mẹ N3” gọi tới tài khoản zalo “Bảo Tâm” của T hỏi “*Đang ở đâu?*”. Thào đáp “*Ở gần cầu T*” đồng thời bảo V2 qua quán bi da đón chở T3. Nghe xong, T rủ Nguyễn Thế A “*Có vào anh V2 chơi bài không?*”. Thế A đáp “*Có*” và hỏi “*Anh em trong đó có đông không?*”. Thào đáp “*Cứ vào anh V2 đi, anh em đang đến rồi*”. Ở quán cà phê cầu S, V2 rủ Ú và Phạm Văn D “*Tí nữa anh em về nhà anh uống nước*”. Úy và Phạm Văn D đồng ý. V2 điều khiển xe ô tô đến quán bida đón T3 và Đào Văn D2, qua cầu T đón T và Nguyễn Thế A về nhà trước. Trên đường đi, V2 bảo T3, Nguyễn Thế A, T và Đào Văn D2 “*Các anh em vào nhà anh chơi bài cứ yên tâm, nhà anh chỉ cho anh em ở xa chơi, hàng xóm với chính quyền không ý kiến gì đâu. Nhà anh có camera trên nóc tầng 3 soi được 500 mét có động tĩnh gì anh biết hết*”. Sau khi V2 đi, Phạm Văn D cũng đi xe ô tô của H3 chở H3 và Ú tới nhà V2. Khoảng 13 giờ 45 phút, V2 về đến nhà, gặp Hoàng Thị X1 ngồi may quần áo ở hiên, Đào Văn D2, T, T3, Nguyễn Thế A đi vào phòng khách (tầng 1), V2 tìm quần áo để tắm. Ít phút sau, Phạm Văn D chở Ú và H3 đến. Lúc này, thấy đã có đông người, T nói “*Anh em lên thôi*” rồi đứng dậy đi lên phòng ngủ (tầng 2) ở bên trái cầu thang, Phạm Văn D, Đào Văn D2, T3, Ú, Nguyễn Thế A theo sau. H3 ở lại tầng 1 đi vệ sinh. Vào phòng, T nhặt bộ bài tú lơ khơ 52 lá cũ sẵn có ở chân giường, cùng Đào Văn D2, Phạm Văn D, Ú, T3, Nguyễn Thế A ngồi quây tròn dưới nền phòng theo chiều quay kim đồng hồ từ cửa vào đầu tiên là Ú, tiếp đến Đào Văn D2, T, Phạm Văn D, T3, Nguyễn Thế A bắt đầu thực hiện đánh bạc được thua bằng tiền, hình thức “liêng”. Thào trộn bài, chia mỗi người chơi 03 lá rồi nói “*số tiền cược (gà) mỗi ván bạc thấp nhất là 20.000 đồng/01 người; tổ cao nhất không quá 100.000 đồng; ván bạc đầu tiên mỗi người cược 20.000 đồng, ai thắng thì bỏ ra 60.000 đồng để cho chủ nhà; các ván bạc sau ai được sáp thì bỏ ra 100.000 đồng, ai được đồng hoa thì bỏ ra 60.000 đồng để cho chủ nhà; ván đầu tiên mỗi người 20.000 đồng góp gà, ai thắng bỏ ra 60.000 đồng cho chủ nhà*”. Tất cả đồng ý. Cách chơi như sau: Mỗi người chơi sẽ được chia 03 lá bài, trước khi lên bài phải cược 20.000 đồng vào “tây” gọi là tiền gà. Người chia bài là người đầu tiên được “tổ” tức là được cược thêm vào “tây” số tiền nhất định nhưng không quá 100.000 đồng. Lần lượt ngược chiều kim đồng hồ đến những người chơi tiếp có thể theo, tổ thêm hoặc úp bài. Trường hợp người trước đã tổ thì người ngồi liền sau không được chuyển mà chỉ có thể theo, tổ hoặc úp bài.

Người theo phải đặt vào tẩy số tiền cược bằng số tiền của người tố ngồi gần nhất đã vào tẩy và có thể tố thêm số tiền nhất định. Người chơi kế tiếp muốn theo phải vào tẩy số tiền bằng tổng số tiền theo và tiền tố của người ngồi liền trước. Ai không theo thì bị thua số tiền đã cược. Trường hợp chỉ một người tố, những người còn lại không theo thì người tố thắng và được toàn bộ số tiền cược. Trường hợp không ai tố thêm thì hạ bài tính điểm để xác định người thắng. Cách tính như sau: các lá bài 10, J, Q, K tính là 0 điểm; các lá bài từ A đến 9 tương đương với số điểm từ 1 đến 9 điểm. Thứ tự tính điểm 1 điểm nhỏ hơn (<) 2 điểm < 3 điểm <...< 9 điểm < đồng hoa (ba lá bài có đầu là J, Q, K nhưng không phải liêng) < liêng (ba lá bài có thứ tự liên tục, liêng Q, K, A là to nhất, liêng A, 2, 3 là nhỏ nhất) < sấp (ba lá bài giống nhau, sấp A, A, A là to nhất, sấp 2, 2, 2 là nhỏ nhất). Người có số điểm bằng nhau thì căn cứ vào thứ tự chất rô, cơ, nhép, bích để tính thắng thua; lá bài A là to nhất, lá bài 2 là nhỏ nhất. Kết thúc mỗi ván bạc, người thắng được chia bài cho ván bạc tiếp theo. Ván bạc đầu tiên Nguyễn Thế A thắng cược bỏ ra 60.000 đồng để ở giường. Vịnh lên tầng 2 đứng ở cửa phòng thấy T, Phạm Văn D, Đào Văn D2, T3, Ú, Nguyễn Thế A đánh bạc có hỏi “*Anh em có bài mới chưa?*”. Úy đáp “*Có mỗi bộ bài cũ thôi*”. Nghe vậy, V2 xuống đi tắm. H3 vệ sinh xong lên tầng thấy mọi người đánh bạc nhưng do mệt nên lên giường ngủ. Xuyên đi ra sau nhà rửa chuồng lợn. Vịnh có lịch chở khách đi tỉnh Quảng Ninh nên khi tắm xong ra không thấy X1 đã vào phòng ngủ gọi con là Vũ Anh T8, sinh ngày 04/6/2009, dậy và dặn “*Bảo mẹ là bố đi chở khách*”. Sau đó, V2 điều khiển xe ô tô đi đón khách. Trên đường đi, V2 sử dụng điện thoại di động, ứng dụng T9 gọi tới tài khoản Telegram của X1 nói “*Em xem có bộ bài nào thì cầm lên cho mấy anh em chơi*”. Xuyên đáp “*Vâng*”. Nghe xong, X1 vào bếp tìm thấy 02 bộ bài tú lơ khơ mới ở trên bàn liền cầm lên tầng 2, mở cửa phòng, để xuống nền và nói “*Của các ông đây*” rồi đóng cửa đi xuống. Khoảng 14 giờ 30 phút, H3 dậy thấy mọi người còn đánh bạc đã xuống ngồi giữa Đào Văn D2 và T tham gia chơi với cách thức và mức độ sát phạt không đổi. Các bị can lần lượt sử dụng 2 bộ bài Xuyên đưa để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, T được 01 ván sấp bỏ ra 100.000 đồng để ở giường. Cháu T8 ngủ dậy thì đi chơi. Các bị cáo đánh bạc đến 15 giờ 15 phút bị tổ công tác của Công an huyện Q phát hiện, bắt quả tang, thu giữ các vật chứng như đã nêu trên. Xuyên ngồi may ở hiên khi thấy tổ công tác vào do sợ đã ra khỏi nhà. Chiều cùng ngày X1 gọi điện thông báo cho V2 biết. Ngày 15/6/2024, X1 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q triệu tập làm việc, X1 đã giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu vàng đồng đã hỏng vỡ màn hình, sim số thuê bao 0376856833, 01 camera nhãn hiệu Yoosee màu trắng ngà vàng, 01 thẻ nhớ nhãn hiệu HIK VISION. Vịnh sợ nên ở lại tỉnh Quảng Ninh đến ngày 19/7/2024 về Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đầu thú, giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10S, sim số thuê bao 0868883962.

Số tiền đánh bạc từng bị cáo như sau: Phạm Văn D khai số tiền đánh bạc 3.200.000 đồng, khi bắt bị quản lý trên người 1.700.000 đồng; Đào Văn D2 khai số tiền đánh bạc 2.500.000 đồng, khi bắt bị quản lý trên người 2.000.000 đồng;

Nguyễn Thế A khai số tiền đánh bạc 1.950.000 đồng, khi bắt bị quản lý trên người 1.800.000 đồng; Vũ Đình Ú khai số tiền đánh bạc 1.500.000 đồng, khi bắt không có tiền trên người; Trần Ngọc T3 khai số tiền đánh bạc 1.200.000 đồng, khi bắt không có tiền trên người; Phạm Đức T10 khai số tiền đánh bạc 540.000 đồng, khi bắt không có tiền trên người; Đào Quang H3 khai số tiền đánh bạc 450.000 đồng, khi bắt không có tiền trên người; Vũ Lương V2 khai do quen biết đã bảo các bị cáo về nhà đánh bạc; Hoàng Thị X1 biết các bị can đánh bạc tại nhà nhưng vẫn cầm 02 bộ bài tú lơ khơ lên phòng để mọi người sử dụng đánh bạc. Giữa Vịnh, X1 và các bị can không có sự trao đổi thỏa thuận với nhau về việc thu nộp tiền hồ. Thế A và T10 bỏ ra số tiền 160.000 đồng (ván bạc đầu 60.000 đồng; 01 ván bạc sập 100.000 đồng) để ở giường mục đích cho V2 nhưng V2 không biết, số tiền này đã bị quản lý khi bắt quả tang. Không có người cầm cố tài sản, giúp sức canh coi, cảnh giới cho việc đánh bạc. Các bị cáo không xác định được số tiền thắng thua nhưng thừa nhận toàn bộ số tiền bị quản lý trên người, chỗ ngồi và ở giường là tiền đánh bạc. Như vậy, tổng số tiền các bị cáo đánh bạc là 11.340.000 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đều thừa nhận số tiền đánh bạc của mình.

Bản cáo trạng số 86/CT-VKSQP ngày 29/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình truy tố các bị cáo Nguyễn Đức T, Trần Ngọc T3, Đào Quang H3, Phạm Văn D, Đào Văn D2, Nguyễn Thế A, Vũ Đình Ú, Vũ Lương V2 và Hoàng Thị X1 về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T, Trần Ngọc T3, Đào Quang H3, Phạm Văn D, Đào Văn D2, Nguyễn Thế A, Vũ Đình Ú, Vũ Lương V2 và Hoàng Thị X1 phạm tội “*Đánh bạc*”.

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điều 50 và điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với tất cả các bị cáo; áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thế A, Vũ Đình Ú, Trần Ngọc T3 và Vũ Lương V2.

Áp dụng Điều 38, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức T, Phạm Văn D và Đào Văn D2: xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T và Phạm Văn D từ 09 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 8 tháng; Xử phạt bị cáo Phạm Văn D từ 07 đến 08 tháng tù cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách từ 14 đến 16 tháng. Thời gian thử thách đối với các bị cáo tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao các bị cáo được hưởng án treo cho Ủy ban nhân dân xã, phường nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thế A và Vũ Đình Ú: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế A từ 18 tháng đến 21 tháng cải tạo không giam giữ, xử phạt bị cáo Vũ Đình Ú từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ 06 ngày (từ ngày 11/6/2024 đến 17/6/2024) bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo được tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Q nhận được quyết định thi hành án. Không áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Ngọc T3, Đào Quang H3, Vũ Lương V2 và Hoàng Thị X1, xử phạt bị cáo Trần Ngọc T3 từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng, bị cáo Đào Quang H3 từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, bị cáo Vũ Lương V2 và Hoàng Thị X1 mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình đối với các bị cáo Nguyễn Đức T, Phạm Văn D, Đào Văn D2, Vũ Đình Ú, Nguyễn Thế A phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng, nộp ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu hoá giá nộp ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 11 của Nguyễn Đức T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10s của Vũ Lương V2 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng đồng, đã hỏng của Hoàng Thị X1.

Tuyên tịch thu tiêu huỷ 03 xác sim điện thoại của các bị cáo T, V2 và X1 (kèm theo điện thoại) và 03 bộ bài tú lơ khơ mỗi bộ 52 lá;

Về án phí hình sự sơ thẩm: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì; các bị cáo nói lời sau cùng: nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, rất ân hận về hành vi mà mình đã thực hiện và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo T, Phạm Văn D, Đào Văn D2, Ú, T3, Thế A và H3 đều thừa nhận do hám lời, mục đích tư lợi cá nhân nên các bị cáo đã sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh liêng, bị cáo V2 do nể nang đã cho các bị cáo đánh bạc tại nhà; Xuyên biết các bị cáo đánh bạc tại nhà nhưng nghe lời Vĩnh nên đã cung cấp 02 bộ bài cho các bị cáo đánh bạc. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản quản lý niêm phong đồ vật tài liệu, sơ đồ hiện trường vụ án, cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 13 giờ 50 phút đến 15 giờ 15 phút ngày 11/6/2024, tại nhà của Vũ Lương V2 và Hoàng Thị X1, ở thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, Nguyễn Đức T, Phạm Văn D, Đào Văn D2, Nguyễn Thế A, Vũ Đình Ú, Trần Ngọc T3 và Đào Quang H3, đã cùng thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền, hình thức “liêng”, bị Công an huyện Q phát hiện, bắt quả tang, thu giữ số tiền đánh bạc 11.340.000 đồng. Trong đó, Nguyễn Đức T là người rủ rê, số tiền đánh bạc 540.000 đồng; Phạm Văn D sử dụng số tiền đánh bạc 3.200.000 đồng, Đào Văn D2 sử dụng số tiền đánh bạc 2.500.000 đồng, Nguyễn Thế A sử dụng số tiền đánh bạc 1.950.000 đồng, Vũ Đình Ú sử dụng số tiền đánh bạc 1.500.000 đồng, Trần Ngọc T3 sử dụng số tiền đánh bạc 1.200.000 đồng và Đào Quang H3 sử dụng số tiền đánh bạc 450.000 đồng, là người đồng phạm thực hành; Vũ Lương V2 do quen biết đã bảo các bị cáo về nhà thuộc quyền sở hữu để đánh bạc, Hoàng Thị X1 biết các bị cáo đánh bạc tại nhà nhưng vẫn cầm 02 bộ bài tú lơ khơ lên phòng để mọi người sử dụng đánh bạc, cả hai đều không thu lợi bất chính nên đồng phạm với vai trò giúp sức. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Đánh bạc”, được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Điều 321.Tội đánh bạc

“1.Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

.....

3.Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ truy tố các bị Nguyễn Đức T, Trần Ngọc T3, Đào Quang H3, Phạm Văn D, Đào Văn D2, Nguyễn Thế A, Vũ Đình Ú, Vũ Lương V2 và Hoàng Thị X1 về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy: Các bị cáo đã đủ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an và tạo dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân, còn là một trong những nguyên nhân dẫn đến các tội phạm khác, để có tiền các bị cáo không chịu lao động mà lại thực hiện hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền, dưới hình thức liêng, vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo là người có quan hệ quen biết, việc phạm tội của các bị cáo mang tính chất tự phát, không có sự bàn bạc phân công vai trò của từng bị cáo, các bị cáo X1 và V2 là những người giúp sức, các bị cáo còn lại đều tham gia với vai trò là người thực hành nhưng cũng cần thấy được vai trò của từng bị cáo để lên một mức án tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra. Bị cáo Nguyễn Đức T là người rủ rê việc đánh bạc, đặt ra cách tính tỷ lệ thắng thua, có số tiền đánh bạc ít 540.000 đồng. Bị cáo Phạm Văn D có số tiền đánh bạc nhiều nhất trong vụ án 3.200.000 đồng. Bị cáo Đào Văn D2 có số tiền đánh bạc nhiều thứ hai trong vụ án 2.500.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Thế A có số tiền đánh bạc nhiều thứ ba trong vụ án 1.950.000 đồng. Tiếp theo đến bị cáo Ú số tiền đánh bạc 1.500.000 đồng và T3 số tiền đánh bạc 1.200.000 đồng. Bị cáo Đào Quang H3 có thời gian và số tiền đánh bạc ít nhất trong vụ án 450.000 đồng. Bị cáo V2 và X1 đã cho các bị cáo đánh bạc tại nhà ở thuộc quyền quản lý hợp pháp của mình. Trong đó bị cáo V2 rủ T3, Thế A và Đào Văn D2 vào nhà mình đánh bạc là người bảo X1 đưa bài cho các bị cáo đánh bạc. Bị cáo X1 là người đưa bài cho các bị cáo đánh bạc. Như vậy, bị cáo T và Phạm Văn D có vai trò ngang nhau và cao nhất trong vụ án, tiếp theo lần lượt là các bị cáo Đào Văn D2, Thế A, Ú, T3, H3. Bị cáo V2 và X1 ngang nhau và thấp nhất trong vụ án.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo: Các bị cáo đều không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Thế A, Ú, T3 đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, bị cáo V2 đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên xét thấy không cần phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội.

[8] Về mức án và loại hình phạt áp dụng đối với các bị cáo: Xét thấy các bị cáo đều có khả năng tự cải tạo nên không cần phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội. Bị cáo T là người rủ rê có số tiền đánh bạc ít, bị cáo Phạm Dương C1 số tiền đánh bạc nhiều nhất do đó hai bị cáo có mức án ngang nhau, bị cáo Đào D2 có vai trò thứ hai trong vụ án, cần áp dụng Điều 38, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo T, Phạm Văn D và Đào Văn D2 được hưởng án treo cải tạo tại địa phương. Bị cáo Thế A và Ú có số tiền đánh bạc ít hơn cần áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo Thế A mức án cao hơn bị cáo Ú, các bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập.

Bị cáo T3 có số tiền đánh bạc không nhiều, bị cáo H3 có số tiền và thời gian đánh bạc ít nhất, bị cáo X1, V2 có vai trò giúp sức nên cần áp dụng Điều 35 phạt tiền đối với các bị cáo. Bị cáo T3 cao hơn bị cáo H3. Bị cáo X1, V2 ngang nhau và thấp hơn H3.

Mức hình phạt áp dụng như Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự thì các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy, các bị cáo phạm tội với động cơ tư lợi và sát phạt nhau bằng tiền nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo T, Đào Văn D2, Phạm Văn D, Thế A và Ú để các bị cáo thấy được ý nghĩa của việc có tiền từ lao động chân chính. Mức phạt áp dụng như đề nghị của Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp. Bị cáo T3, H3, X1 và V2 đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A23, sim thuê bao 0981032759 của Trần Ngọc T3; 01 ví giả da màu đen của Đào Văn D2; 01 camera nhãn hiệu Yoosee, 01 thẻ nhớ nhãn hiệu HIK VISION của Hoàng Thị X1 không liên quan đến tội phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trả lại cho T3, X1, Đào Văn D2. Số tiền đánh bạc 11.340.000 đồng các bị cáo đánh bạc, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; 03 bộ bài tú lơ khơ mỗi bộ 52 lá đã qua sử dụng là công cụ các bị cáo đánh bạc, 03 xác sim không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 11 Nguyễn Đức T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10s của Vũ Lương V2, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng đồng, đã bị hỏng của Hoàng Thị X1 là công cụ các bị cáo sử dụng để liên lạc liên quan đến hành vi đánh bạc nên cần tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước; theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[13] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo, Nguyễn Đức T, Trần Ngọc T3, Đào Quang H3, Phạm Văn D, Đào Văn D2, Nguyễn Thế A, Vũ Đình U, Vũ Lương V2 và Hoàng Thị X1 phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. Về hình phạt chính:

2.1. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T và Phạm Văn D mỗi bị cáo 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng.

- Xử phạt bị cáo Đào Văn D2 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng.

Thời gian thử thách đối với các bị cáo được hưởng án treo tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/9/2024).

Giao bị cáo Nguyễn Đức T cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Phạm Văn D cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Đào Văn D2 cho Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú hoặc thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án Hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

2.2. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51, Điều 50; Điều 17; Điều 58 và Điều 36 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế A 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi 06 (Sáu) ngày tạm giữ (từ ngày 11/6/2024 đến 17/6/2024) bằng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ, thời gian còn lại phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 01 (Một) năm 5 (Năm) tháng 12 (Mười hai) ngày.

- Xử phạt bị cáo Vũ Đình Ú 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi 06 (Sáu) ngày tạm giữ (từ ngày 11/6/2024 đến 17/6/2024) bằng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ, thời gian còn lại phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng 12 (Mười hai) ngày.

Thời điểm chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo được tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Q nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Thế A cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Vũ Đình Ú cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Thế A và Vũ Đình Ú.

2.3. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51, Điều 50; Điều 17; Điều 58 và Điều 35 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T3 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), xử phạt bị cáo Vũ Lương V2 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để nộp Ngân sách nhà nước.

2.4. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50; Điều 17; Điều 58 và Điều 35 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Đào Quang H3 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) để nộp Ngân sách nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Thị X1 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để nộp Ngân sách nhà nước.

3. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo: Nguyễn Đức T, Phạm Văn D, Đào Văn D2, Nguyễn Thế A và Vũ Đình Ú mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để nộp Ngân sách nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu số tiền đánh bạc 11.340.000 đồng (Mười một triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng) đã thu giữ của các bị cáo để nộp Ngân sách Nhà nước (được niêm phong trong phong bì).

- Tuyên tịch thu hoá giá nộp Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 11 của Nguyễn Đức T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10s của Vũ Lương V2 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng đồng, đã hỏng của Hoàng Thị X1.

- Tịch thu tiêu hủy: các xác sim điện thoại đã thu giữ trong điện thoại của các bị cáo Nguyễn Đức T, Vũ Lương V2, Hoàng Thị X1; 03 bộ bài tú lơ khơ mỗi bộ 52 lá.

(Vật chứng trên đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30/8/2024 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/9/2024).

Nơi nhận

- Các bị cáo;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra CA h. Quỳnh Phụ;
- Cơ quan THAHS CA h. Quỳnh Phụ;
- Cơ quan THAHS CA TP. Thái Bình
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã An Thái, Quỳnh Hải, Quỳnh Mỹ, An Đồng, An Mỹ, Quỳnh Bảo, h. Quỳnh Phụ;
- UBND phường Quang Trung, TP. Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 12/2024/TB-TA
Ngày 29/10/2024

THÔNG BÁO SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN

Căn cứ các điều 260 và 261 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét thấy Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2024/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có lỗi chính tả do nhầm lẫn cần được sửa chữa, bổ sung như sau:

1. Về nội dung tại dòng thứ 22 từ trên xuống trang 2 của Bản án hình sự sơ thẩm nêu trên đã ghi: “con ông: Vũ Văn B1, sinh năm 1966”

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: “con ông: Vũ Văn B2, sinh năm 1966”.

2. Tòa án nhân dân huyện Quỳnh phụ, tỉnh Thái Bình thông báo cho các bị cáo, người tham gia tố tụng và các cơ quan có liên quan được biết.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra CA h. Quỳnh Phụ;
- Cơ quan THAHS CA h. Quỳnh Phụ;
- Cơ quan THAHS CA TP. Thái Bình
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã An Thái, Quỳnh Hải, Quỳnh Mỹ, An Đồng, An Mỹ, Quỳnh Bảo, h. Quỳnh Phụ;
- UBND phường Quang Trung, TP. Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên